

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
Công trình: Doanh trại Trung đoàn 739 (Tiểu đoàn BB52)/BCH
Hạng mục: Kho vũ khí, đạn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-CTUBND ngày 29/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Doanh trại Trung đoàn 739 (Tiểu đoàn BB52)/BCH của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Quyết định số 03/QĐ-CTUBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Doanh trại Trung đoàn 739 (Tiểu đoàn BB52)/BCH của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Doanh trại Trung đoàn 739 (Tiểu đoàn BB52)/BCH của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và năm 2020;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình số 2149/TTr-BCH ngày 25/8/2020 và đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 294/SXD-QLXDTĐ ngày 07/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Doanh trại Trung đoàn 739 (Tiểu đoàn BB52)/BCH

Hạng mục: Kho vũ khí, đạn.

2. Thuộc dự án: Doanh trại Trung đoàn 739 (Tiểu đoàn BB52)/BCH.

3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

5. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Bình Định.

6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng Bình Định.

7. Chủ nhiệm, các chủ trì thiết kế và dự toán xây dựng

a) Chủ nhiệm thiết kế: Kiến trúc sư Văn Phương Oanh, chứng chỉ số KTS-056-00029-A ngày 06/10/2015.

b) Chủ trì thiết kế kết cấu: Kỹ sư Huỳnh Quang Tuấn, chứng chỉ số BID-00010232 ngày 22/9/2017.

c) Chủ trì dự toán: Kỹ sư Nguyễn Công Dũng, chứng chỉ số BID-00032535 ngày 14/9/2018.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình

a) Hạng mục Kho vũ khí, đạn:

- Giải pháp kiến trúc: Công trình cao 01 tầng, chiều cao tổng thể là 7,65m, nền cao 0,75m với mặt sân. Diện tích xây dựng 129,20m², tổng diện tích sàn xây dựng 124,44m².

- Giải pháp kết cấu: Móng đơn BTCT chôn sâu 1,0m đặt trên nền đệm cát, móng tường xây đá chẻ. Hệ khung BTCT chịu lực gồm: Dầm tường tiết diện 200x300mm; cột vuông tiết diện 200x200mm; dầm khung tiết diện 200x300mm và sàn, sê nô dày 100mm. Cấu kiện chịu lực móng, dầm tường, cột, dầm, sàn, sê nô sử dụng bê tông cấp độ bền B15 M200, $R_b=85\text{kG/cm}^2$. Sử dụng thép CB240-T, $R_s=210\text{Mpa}$ khi $\Phi \leq 10\text{mm}$, thép CB300-V, $R_s=260\text{Mpa}$ khi $\Phi > 10\text{mm}$.

- Giải pháp hoàn thiện: Toàn bộ tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng mác 75, chân tường toàn nhà ốp gạch ceramic 300x150mm. Sàn mái, sàn sê nô bằng BTCT, mái lợp ngói 22 viên/m², litô cầu phong xà gỗ bằng thép mạ kẽm. Nền nhà lát gạch nem tàu 300x300mm, bậc cấp lát gạch nem tàu 300x300mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa pano sắt, có khung hoa sắt bảo vệ (dùng sắt đặc 14x14 sơn tĩnh điện). Tường toàn nhà sơn không bả gồm 01 lớp lót 02 lớp phủ (loại chống kiềm, chống thấm, chống rêu mốc). Lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống chống sét, thoát nước.

b) Hạng mục Lán để dụng cụ chữa cháy:

- Giải pháp kiến trúc: Công trình cao 01 tầng, chiều cao tổng thể là 2,4m, nền cao 0,1m với mặt sân. Diện tích xây dựng 2,62m².

- Giải pháp kết cấu: Móng xây đá chẻ dày 420mm đặt trên nền đệm cát. Hệ khung BTCT chịu lực gồm: Dầm tường tiết diện 135x300mm; giằng tường tiết diện 135x300mm và sàn, sê nô dày 80mm. Cấu kiện chịu lực giằng tường, dầm tường, sàn, sê nô sử dụng bê tông cấp độ bền B15 M200, $R_b=85\text{kG/cm}^2$. Sử dụng thép CB240-T, $R_s=210\text{Mpa}$ khi $\Phi \leq 10\text{mm}$, thép CB300-V, $R_s=260\text{Mpa}$ khi $\Phi > 10\text{mm}$.

- Giải pháp hoàn thiện: Toàn bộ tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng mác 75. Sàn mái, sàn sê nô bằng BTCT. Nền nhà lát VXM M75. Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa pano sắt. Tường toàn nhà sơn không bả gồm 01 lớp lót 02 lớp phủ (loại chống kiềm, chống thấm, chống rêu mốc).

c) Hạng mục Bể cát cứu hỏa: Diện tích xây dựng 4m², chôn sâu 0,9m so với cốt tự nhiên, có cấu tạo gồm: Lớp bê tông lót đá 4x6 M150 dày 100mm, lớp gạch xây không nung dày 100mm.

d) Hạng mục Bể nước cứu hỏa: Kích thước lọt lòng bể 1,3x1,3x0,84m³, dung tích 1,25m³, chôn sâu 0,35m so với cốt tự nhiên. Bản đáy có cấu tạo gồm: Lớp bê tông lót đá 4x6 M150 dày 100mm, lớp bê tông đá 1x2 M200 dày 150mm. Bản thành xây gạch không nung dày 100mm. Bản nắp bằng đan BTCT M200 dày 60mm.

đ) Cổng, tường rào (Tổng chiều dài 78m):

- Cổng bằng cột BTCT M200 tiết diện vuông 300x300mm, móng trụ BTCT M200. Cửa bằng khung thép hộp, lưới B40.

- Tường rào xây gạch cao 500mm, có giằng tường tiết diện 70x135mm, móng tường xây đá chẻ dày 250mm, phía trên là khung sắt V50x50x5mm cao 1,1m.

e) Sân bê tông: Diện tích xây dựng 110m² có cấu tạo gồm: Đất lu lèn K98, lớp giấy dầu và bê tông đá 2x4 M200 dày 150mm. Cắt khe rộng 1cm, khoảng cách 2,5m/khe.

g) Hệ thống cấp nước:

- Cấp nước cho bể nước cứu hỏa từ nhà ăn 470 chỗ (số 18) hiện trạng bằng ống cấp D25mm.

- Thoát nước mưa bằng hệ thống rãnh và hố ga.

h) Hệ thống chống sét: Gồm hệ thống chống sét đánh thẳng bằng hệ thống cột thu sét cao 17m và hệ thống dây dẫn, cọc nối đất và hệ thống chống sét cảm ứng tĩnh điện.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 1.116.616.004 đồng

(Một tỷ, một trăm mười sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, không trăm lẻ bốn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 934.937.723 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 17.998.401 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 61.023.385 đồng;
- Chi phí khác: 49.484.304 đồng;
- Chi phí dự phòng: 53.172.191 đồng.

(Có bảng tổng hợp kinh phí kèm theo)

10. Thời hạn sử dụng công trình: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (nguồn vốn của tỉnh).

Điều 2. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Chủ đầu tư) tiếp thu đầy đủ ý kiến của cơ quan thẩm định, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Phi Long;
- Lưu: VT, K18.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Long

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: DOANH TRẠI TRUNG ĐOÀN 739 (TIỂU ĐOÀN BỘ BINH 52)/BCH

HẠNG MỤC: KHO VŨ KHÍ, ĐẠN

(Kèm theo Quyết định số 8684 /QĐ-UBND ngày 07 / 9 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÔNG THỨC	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G+VAT	934.937.723	Gxd
1	Chi phí xây dựng trước thuế	Bảng tổng hợp dự toán	849.943.385	G
2	Thuế giá trị gia tăng	Bảng tổng hợp dự toán	84.994.338	VAT
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	$G \cdot 2,647\% \cdot 0,8$	17.998.401	Gqlda
	Công trình dân dụng ($G_{XDDD} + G_{thiết bị}$ của dự án = 33,032 tỷ đồng)			
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	$tv1+tv2+tv3$	61.023.385	Gtv
1	Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán	$G \cdot 1,1 \cdot 2,810\%$	26.271.750	tv1
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	$G \cdot 1,1 \cdot 0,432\%$	4.038.931	tv2
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$G \cdot 1,1 \cdot 3,285\%$	30.712.704	tv3
IV	CHI PHÍ KHÁC	$k1+k2+\dots+k7$	49.484.304	Gk
1	Bảo hiểm công trình xây dựng	$G \cdot 1,1 \cdot 0,110\%$	1.028.431	k1
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	$G \cdot (0,165 + 0,16) \cdot 50\%$	1.381.158	k2
3	Chi phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (Thông tư số 258/2016/TT-BTC, Thông tư số 61/2020/TT-BTC)	Mức tối thiểu 500.000 đồng x 50%	250.000	k3
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Dự toán thẩm định	2.243.200	k4
5	Chi phí hạng mục chung	$k5.1+k5.2$	32.722.820	k5
	- Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \cdot 1,1 \cdot 1,0\%$	9.349.377	k5.1
	- Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	$G \cdot 1,1 \cdot 2,5\%$	23.373.443	k5.2
6	Chi phí kiểm toán (Tổng mức đầu tư dự án 58,232 tỷ đồng)	Dự toán thẩm định	8.788.000	k6
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư số 10/2020/TT-BTC)	$TDT \cdot 0,275\%$	3.070.694	k7
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	$G_{DP1}+G_{DP2}$	53.172.191	G_{DP}
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	$(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) \cdot 5\%$	53.172.191	G _{DP1}
2	Chi phí dự phòng do trượt giá		0	G _{DP2}
	Tổng cộng	$Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+G_{DP}$	1.116.616.004	TDT

(Một tỷ, một trăm mười sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, không trăm lẻ bốn đồng)./.